

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22810502] - Năng lượng tái tạo
(CCQ2206AB)

CBGD: Đào Thành Sung (280015)

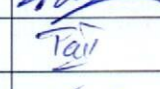
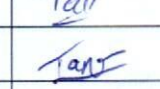
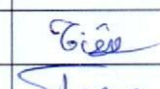
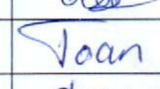
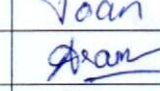
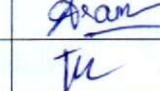
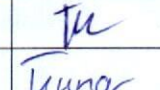
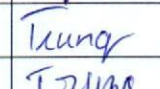
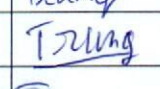
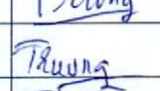
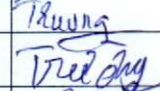
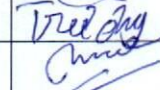
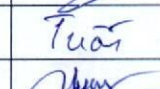
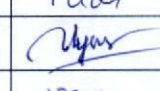
Số SV có mặt: 16

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:


Đào Thành Sung


Đào Thành Sung

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122060002	Nguyễn Gia	Quyết	26/01/1999	CCQ2206A			7,0	7,5	7,3
2	2122060025	Bùi Thành	Tài	02/06/2003	CCQ2206A			8,9	8,5	8,7
3	2122060027	Lê Minh	Tánh	24/07/2004	CCQ2206A			8,3	8,0	8,1
4	2122140019	Nguyễn Công	Tây	21/05/2003	CCQ2206A					
5	2122060008	Nguyễn Tấn	Thuận	09/10/2004	CCQ2206A					
6	2122060060	Lương Thanh	Tiến	04/08/2004	CCQ2206B			8,0	8,0	8,0
7	2122060053	Trần Quốc	Toàn	10/05/2004	CCQ2206B			6,6	7,0	6,9
8	2122060082	Trần Thị Ngọc	Trâm	28/02/2004	CCQ2206A			8,4	8,0	8,2
9	2122060050	Trần Nguyễn Ngọc	Trí	10/01/2004	CCQ2206B			6,3	7,0	6,7
10	2122170099	Nguyễn Hồng	Trung	01/12/2004	CCQ2206B			7,1	7,5	7,4
11	2122060034	Trần Minh	Trung	05/06/2002	CCQ2206A			6,6	7,5	7,2
12	2122060056	Nguyễn Đình	Trường	10/08/2004	CCQ2206B			6,4	7,0	6,8
13	2122060077	Nguyễn Đỗ Lam	Trường	02/11/2004	CCQ2206B			5,9	6,5	6,3
14	2122060035	Nguyễn Huy	Tuấn	01/01/2004	CCQ2206A			6,1	7,5	7,0
15	2122060011	Nguyễn Thanh	Tuấn	02/08/2004	CCQ2206A			7,5	8,0	7,8
16	2122060012	Võ Thị Thu	Uyên	29/09/2004	CCQ2206A			8,5	8,5	8,5
17	2122060055	Long Quốc	Viên	17/06/2003	CCQ2206B			8,0	8,0	8,0
18	2122060083	Lê Nhựt	Vinh	20/10/2003	CCQ2206B					
19	2122060075	Nguyễn Trần Hoàn	Vũ	17/11/2003	CCQ2206A			8,1	8,5	8,4
20	2122110026	Phạm Anh	Vũ	19/09/2004	CCQ2206A					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22810503] - Năng lượng tái tạo
(CCQ2206AB)

CBGD: Đào Thành Sung (280015)

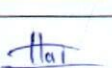
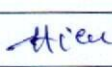
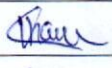
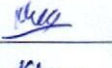
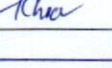
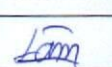
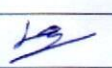
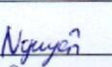
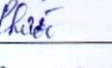
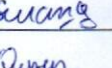
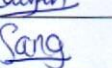
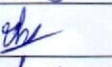
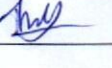
Số SV có mặt: 15

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:


Đào Thành Sung


Đào Thành Sung

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122060044	Châu Hoài	Anh	25/05/2004	CCQ2206B					
2	2122060059	Hà Đức	Cang	06/02/2004	CCQ2206B			6,4	7,0	6,8
3	2122170257	Ngô Tấn	Đạt	28/10/2004	CCQ2206B			6,6	7,0	6,8
4	2122060048	Nguyễn Minh	Hải	05/05/2004	CCQ2206B			6,3	7,0	6,7
5	2122060079	Trương Thiên	Hậu	23/08/2004	CCQ2206B					
6	2122060066	Nguyễn Hữu Thế	Hiếu	11/03/2004	CCQ2206B			8,0	8,5	8,3
7	2122060067	Phạm Bá	Khâm	04/08/2004	CCQ2206B			8,0	8,0	8,0
8	2122060040	Nguyễn Đăng	Khoa	26/06/2004	CCQ2206B			6,1	7,0	6,7
9	2122060080	Nguyễn Đăng	Khoa	19/08/2004	CCQ2206B			8,1	8,5	8,4
10	2122060065	Trịnh Bá	Kiệt	12/05/2004	CCQ2206B					
11	2122060068	Nguyễn Quốc	Lâm	02/08/2004	CCQ2206B			6,3	7,0	6,7
12	2122170227	Thái Lê Duy	Lộc	05/08/2004	CCQ2206B					
13	2122060038	Huỳnh Tấn	Lợi	24/10/2004	CCQ2206B			7,0	7,5	7,3
14	2122060062	Phan Văn	Nguyên	16/06/2003	CCQ2206B			5,9	6,0	6,0
15	2122060064	Nguyễn Tấn	Phước	22/09/2004	CCQ2206B			7,9	8,0	8,0
16	2122060045	Bùi Anh	Quang	05/05/2003	CCQ2206B			6,3	7,0	6,7
17	2122060047	Nguyễn Huy	Quyền	24/08/2004	CCQ2206B			5,4	7,0	6,4
18	2122060076	Nguyễn Thanh	Sáng	25/05/2004	CCQ2206B			6,1	6,5	6,4
19	2122050073	Phan Hữu	Thị	12/12/2004	CCQ2206B			6,5	7,0	6,8
20	2122060078	Mã Thanh	Thịnh	19/12/2004	CCQ2206B			5,6	7,0	6,5